

# Cơ sở khoa học và thực tiễn áp dụng Bộ Tiêu chí Kinh tế xanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

○ NGUYỄN THẾ CHINH, NGUYỄN THỊ YẾN, NGUYỄN HOÀNG NAM  
PHAN THỊ TRƯỜNG GIANG, TRẦN THANH HÙNG  
Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường

## Mở đầu

Sáng kiến kinh tế xanh (KTX) ra đời từ đề xuất của nhóm công tác của UNEP. KTX là giải pháp cho sự phát triển kinh tế không những mang lại hạnh phúc cho con người và công bằng xã hội, mà còn giảm thiểu đáng kể các nguy cơ về môi trường và suy giảm sinh thái.

Viết Nam cần một công cụ nhằm đo lường và định lượng hiện trạng xanh hoá của nền kinh tế và cung cấp những đánh giá đầu vào cho việc lập quy hoạch, kế hoạch và hỗ trợ xây dựng chính sách KTX, hướng đến phát triển bền vững.

## Khái niệm Kinh tế xanh

Khái niệm "KTX" được chính thức đề cập lần đầu tiên bởi một nhóm các nhà kinh tế môi trường gồm David Pearce, Anil Markandya và Edward Barbier trong một báo cáo gửi chính phủ Anh năm 1989. Tới năm 2008, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu, UNEP đã nhắc lại khái niệm này và coi việc xây dựng nền KTX là một lối thoát quan trọng để đưa các quốc gia ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế: "nền kinh tế vừa mang lại hạnh phúc cho con người và công

bằng xã hội, vừa giảm thiểu đáng kể các nguy cơ về môi trường và suy giảm sinh thái. Đó là nền kinh tế ít phát thải cacbon, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo đảm công bằng xã hội". Theo định nghĩa này, một nền KTX phải bảo đảm được bốn khía cạnh: (i) nâng cao sự thịnh vượng của con người bằng cách bảo đảm dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục và nghề nghiệp tốt hơn; (ii) tăng cường bình đẳng xã hội thông qua việc chấm dứt nghèo đói dai dẳng và bảo đảm công bằng kinh tế, tài chính và xã hội; (iii) giảm các rủi ro môi trường thông qua việc giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu, axit hóa đại dương, phát thải các chất ô nhiễm và hóa chất nguy hại, cũng như việc gia tăng chất thải và quản lý không tốt chất thải; (iv) giảm suy giảm sinh thái bằng việc quản lý chặt hơn các nguồn nước sạch và các TNTN.

## Sử dụng bộ tiêu chí, chỉ số để đo lường Kinh tế xanh

Theo cách hiểu phổ biến nhất, *Tiêu chí* là các yếu tố về tính chất, dấu hiệu đặc trưng để nhận biết, đo lường, phân loại hoặc kiểm tra, giám sát một sự vật, hiện tượng, quy trình cần đạt

được phù hợp với mục đích đề ra. Mỗi tiêu chí có thể bao gồm một hoặc nhiều chỉ số đánh giá khác nhau. Và các *Chỉ số* là công cụ đo lường một khía cạnh cụ thể của tiêu chí, được thể hiện bằng con số, tỷ lệ, tỷ số, tỷ suất... Các chỉ số giúp đo lường và chỉ ra mức độ chất lượng đạt được của tiêu chí, hoặc để phản ánh những thay đổi, các chỉ số có thể mang tính định lượng và/hoặc định tính.

Về mặt phân loại chỉ số, có thể chia chỉ số thành 4 loại: Chỉ số đo lường đầu vào, quá trình, đầu ra và kết quả. Chỉ số đầu vào đo lường các nguồn tài nguyên, cả về tự nhiên, kinh tế và con người, dành cho một chương trình hoặc hoạt động cụ thể (ví dụ, sản lượng gỗ được khai thác), hoặc thể hiện tính chất của các nhóm đối tượng mục tiêu (như Mức độ suy thoái đất nông nghiệp). Các chỉ số quá trình đo lường cách thức mà các hàng hoá và dịch vụ được cung cấp. Các chỉ số đầu ra đo lường chất lượng của hàng hoá và dịch vụ được cung cấp và hiệu quả của sản xuất (ví dụ Lượng nước thải được xử lý an toàn hay Hiệu suất sử dụng năng lượng). Chỉ số kết quả đo lường các thành quả đạt được rộng hơn

thông qua việc cung cấp các hàng hoá và dịch vụ. Các chỉ số kết quả đo lường sự thay đổi một cách gián tiếp từ tác động của các can thiệp khác.

### Cách tiếp cận xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số Kinh tế xanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường

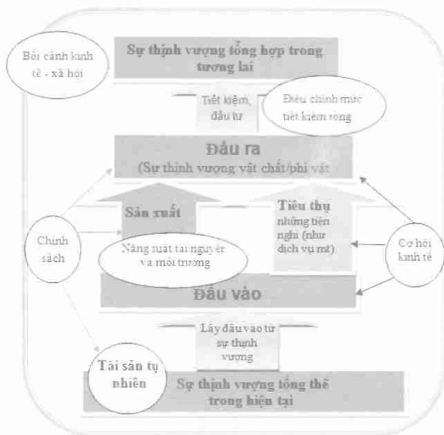
Khung phân tích tổng hợp lấy ý tưởng từ mô hình sản xuất trong nền kinh tế vĩ mô để xây dựng và lựa chọn các tiêu chí (Hình 1).

Theo đó, khung phân tích để xây dựng bộ chỉ số KTX là một khung phân tích tổng hợp bao gồm khung phân tích mô hình sản xuất và khung phân tích mô hình sản xuất mở rộng.

*Khung phân tích mô hình sản xuất* có thể nắm bắt được mối liên hệ giữa kinh tế và môi trường. Trong đó, môi trường được coi là vốn tự nhiên, cung cấp các đầu vào cho sản xuất và tiêu dùng. Các chỉ số nắm bắt hiện trạng tài sản tự nhiên giúp nhận dạng các rủi ro tiềm năng do sự suy giảm hoặc suy thoái tài sản tự nhiên không được cảnh báo trước. Quá trình sử dụng các nguồn tài nguyên trong nền kinh tế được đo lường bằng cường độ hoặc năng suất TN&MT theo cách nền kinh tế sản xuất và tiêu dùng nhiều hơn, nhưng lại sử dụng ít hơn các dịch vụ môi trường và tài sản tự nhiên. Đầu ra của mô hình sản xuất thể hiện ở sự thịnh vượng từ việc tiêu dùng các hàng hoá và dịch vụ. Các chỉ số đầu ra đo lường khía cạnh môi trường của chất lượng cuộc sống mà lâu nay vẫn bị bỏ qua trong các chỉ số thống kê.

*Khung phân tích mô hình sản xuất mở rộng* đặt mô hình kinh tế

**Hình 1: Mô phỏng nền kinh tế vĩ mô với mô hình sản xuất và mô hình sản xuất mở rộng**



Nguồn: GGKP, 2013

**Hình 2: Các phạm trù của bộ tiêu chí, chỉ số KTX**

Bộ tiêu chí chỉ số KTX				
Tài sản tự nhiên	Cường độ/năng suất của TN&MT	Rủi ro và sức chống chịu của KT	Các cơ hội và động lực KT	Công bằng
Các nguồn vốn tự nhiên (đất, nước, khoáng sản, biển, hệ sinh thái) và các dịch vụ môi trường cung cấp đầu vào cho hoạt động kinh tế	Hữu quả của việc sử dụng các nguồn vốn tự nhiên trong nền kinh tế	Sự nhạy cảm của nền kinh tế (trước các cú sốc về tự nhiên và môi trường)	Các chính sách vĩ mô khuyến khích môi trường/thực tiễn hoặc làm giảm động lực phát triển kinh tế	Lợi ích về môi trường, các chính sách môi trường có tác động đáng kể trong các nhóm xã hội?

Nguồn: Nhóm tác giả

trong bối cảnh sự can thiệp của Chính phủ, các cơ hội kinh tế, và bối cảnh KT-XH. Các chính sách tác động đến hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế làm thay đổi động lực hoặc các quyết định kinh tế, ví dụ như các quy định về môi trường. Các chỉ số trong mục này được chia làm hai loại, các chỉ số về chính sách KTX, và các chỉ số về sự thay đổi của nền kinh tế và các cơ hội liên quan. Các

chỉ số về bối cảnh KT-XH sẽ xem xét các mục tiêu xã hội quan trọng như giảm nghèo, công bằng xã hội và sự kết hợp hiệu quả của cả ba trụ cột của phát triển bền vững là kinh tế, xã hội, và môi trường.

Trên cơ sở khung phân tích tổng hợp trên, các phạm trù của Bộ tiêu chí, chỉ số KTX trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường được xem xét gồm: (Hình 2)

**Bảng 1: Bộ tiêu chí, chỉ số KTX áp dụng trong lĩnh vực TN&MT**

Bộ Chỉ số Kinh tế xanh	
<b>1. Tài sản tự nhiên</b>	
1) Tổng diện tích đất	14) Tỷ lệ nước khai thác tổng lượng nước thêm vào
2) NPV của giá trị sản xuất tiềm năng của đất nông nghiệp	15) Tỷ trọng những nguồn nước bị ô nhiễm
3) Chỉ số thể hiện hiệu chỉnh vốn đất	16) Trữ lượng khoáng sản đã phê duyệt phân theo các cấp trữ lượng
4) Tỷ lệ diện tích đất bị thoái hóa nghiêm trọng và rất nghiêm trọng	17) Trữ lượng năng lượng tiềm năng
5) Phần trăm diện tích đất nông trền tổng diện tích đất	18) Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng
6) Tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên/điện tích đất nông cần bảo vệ	19) Trữ lượng khoáng sản đã cấp phép, khai thác và còn lại phân theo các cấp trữ lượng
7) Tổng trữ lượng gỗ (m <sup>3</sup> )	20) Chỉ số thể hiện hiệu chỉnh với khoáng sản
8) Giá trị khai thác gỗ tròn vượt quá lượng phục hồi của tự nhiên	21) Tỷ trọng các khai thác khoáng vượt ngưỡng bền vững sinh học
9) Chỉ số thể hiện hiệu chỉnh vốn rừng	22) Diện tích các khu vực được bảo tồn/tổng diện tích đất
10) Tổng lượng nước mặt một số lưu vực sông chính	23) Số loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
11) Lượng nước mưa hàng năm	24) Số lượng các loài bị đe dọa trong sách đỏ
12) Tỷ trọng nước thải được xử lý an toàn/tổng lượng nước thải	25) Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ các chất trong môi trường không khí vượt qua quy chuẩn kỹ thuật cho phép (AQI)
13) Dân số bị khan hiếm nước	26) Lượng phát thải CO2 trên một đơn vị giá trị gia tăng
<b>2. Nâng sự hiệu quả sử dụng tài nguyên</b>	
27) Năng suất nhân tố tổng hợp hiệu chỉnh theo môi trường	32) Hiệu suất sử dụng tài nguyên nước
28) Cường độ phát thải khí nhà kính	33) Lượng phát sinh chất thải trên đầu người
29) Hiệu suất sử dụng năng lượng	34) Số lượng khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải trong số khu công nghiệp
30) Tỷ lệ tiêu thụ dầu và than trên tổng mức tiêu thụ năng lượng	35) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý/tổng lượng phát sinh chất thải
31) Hiệu suất sử dụng tài nguyên đất	36) Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được tái chế một cách chính thức
<b>3. Sức chống chịu của nền kinh tế với các cú sốc môi trường</b>	
37) Số người thiệt mạng do thiên tai trên 100 000 người	41) Số người sống trong các khu vực chịu rủi ro cao (ở độ cao dưới 5m so với mực nước biển)
38) Số người bị thương do thiên tai trên 100 000 người	42) Số dân bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm không khí ở mức độ nguy hại (PM2.5 > 301 - 500+)
39) Số người phải di chuyển hoặc sơ tán do thiên tai trên 100 000 người	43) Tỷ trọng của các ngành kinh tế nhạy cảm với môi trường trong GDP
40) Tổng thiệt hại về kinh tế do thiên tai trên 1 năm (tính bằng % GDP)	44) Tỷ trọng chi ngân sách cho phòng chống rủi ro thiên tai và ứng phó với BKH/tổng chi ngân sách
	45) Chỉ số năng lực chính phủ
<b>4. Các cơ hội và động lực kinh tế</b>	
46) Số kế hoạch hành động chiến lược về môi trường đã được ban hành	52) Tổng tỷ cấp các nhận diện hòa thạc
47) Tỷ lệ số vụ vi phạm về môi trường đã được xử lý/tổng số vụ vi phạm	53) Chi ngân sách cho BVMT
48) Tỷ lệ cơ cấu hoặc giảm thuế 30% với năng lượng tái tạo	54) Số lượng bằng sáng chế xanh
49) Số lượng các hiệp ước môi trường quốc tế được ký kết	55) Số lượng việc làm xanh tạo ra/hàng việc làm mới tạo ra
50) Số lượng thành lập các khu vực được bảo vệ môi	56) Số lượng sản phẩm được cấp chứng nhận từ chất môi trường
51) Tổng thu từ thuế môi trường	57) Tổng giá trị xuất khẩu các hàng hóa và dịch vụ môi trường
<b>5. Công bằng xã hội</b>	
58) Số dân tiếp xúc với môi trường không khí có PM 2.5 vượt qua ngưỡng an toàn của WHO	61) Tỷ lệ dân số có điện
59) Tỷ lệ dân số được tiếp cận với nước sạch	62) Tỷ trọng nữ giới với quyền lợi trong cơ cấu nhân lực về môi trường
60) Tỷ lệ dân số có nhà vệ sinh hợp tiêu chuẩn	63) Số người được nhận tiền trợ cấp xã hội về môi trường rừng

**Cấu trúc của bộ tiêu chí, chỉ số Kinh tế xanh áp dụng trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường**

Bộ chỉ số KTX áp dụng trong lĩnh vực TN&MT được tổng hợp từ 63 chỉ số riêng lẻ trên cơ sở 5 phạm trù của nền KTX. Chi tiết như Bảng 1.

**Kết luận**

Bộ tiêu chí, chỉ số KTX áp dụng trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường là một bộ chỉ số quan trọng cho Việt Nam, đặc biệt trong công tác quản lý TN&BVMT. Bộ chỉ số không những giúp giám sát, đánh giá, phân hạng mức độ xanh của quốc gia mà còn làm đầu vào dữ liệu quan trọng cho việc lập kế hoạch, quy hoạch, phân bổ nguồn lực và cảnh báo sớm sự suy giảm TN&MT. Việc tính toán chỉ số tổng hợp KTX là bước đi cần thiết tiếp theo của nghiên cứu này bởi việc lựa chọn số liệu đủ độ tin cậy và có tính thuyết phục là một vấn đề còn thách thức.

**Tài liệu tham khảo**

Green Economy Coalition. (2012). *The green economy pocketbook: the case for action*. Summary: From crisis to opportunity. Retrieved from International Chamber of Commerce. (2012). *ICC Green Economy Roadmap – executive summary*. Retrieved from UNDESA. (2012). *A Guidebook to the Green Economy. Issue 2: Exploring green economy principles*. New York: Division for Sustainable Development, Department of Economic and Social Affairs. UNEP. (2011). *Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication*. Geneva: United Nations Environment Programme (UNEP). ■